

**KẾ HOẠCH**  
**Chuyển đổi số của Trường THPT chuyên Chu Văn An năm 2024**

Thực hiện Kế hoạch số 3363/KH-SGDĐT ngày 22/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định về chuyển đổi số năm 2024, Trường THPT chuyên Chu Văn An ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024, cụ thể như sau:

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023**

**1. Nhận thức số**

a. *Kết quả đạt được:* Thông qua lồng ghép trong các cuộc họp, sinh hoạt và bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên, nhân viên đã từng bước nâng cao nhận thức số trong đơn vị. Nổi bật là: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý; nghiêm túc thực hiện các quy định của ngành về cập nhật cơ sở dữ liệu, sử dụng các phần mềm; đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại đơn vị.

b. *Tồn tại, hạn chế:* Một số giáo viên, nhân viên còn ngại ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, quản lý.

**2. Thể chế số**

**2.1. Ban hành kế hoạch của cấp chính quyền về chuyển đổi số**

a. *Kết quả đạt được:* Lãnh đạo trường đã triển khai và chỉ đạo thực hiện các văn bản của cấp trên về công tác chuyển đổi số, nổi bật là:

- Kế hoạch số 326/KH-SGDĐT ngày 17/02/2023 về chuyển đổi số năm 2023;
- Kế hoạch số 1553/KH-SGDĐT ngày 19/6/2023 về Tổ chức hưởng ứng phong trào thi đua thực hiện chuyển đổi số trong ngành Giáo dục tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025;
- Kế hoạch số 243/KH-SGDĐT ngày 20/02/2023 Truyền thông về giáo dục và đào tạo năm 2023 của ngành Giáo dục tỉnh Bình Định;
- Quyết định số 366/QĐ-SGDĐT ngày 6/3/2023 về Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;
- Công văn số 11/SGDĐT-TCCB ngày 03/01/2023 về triển khai thực hiện hồ sơ điện tử viên chức và người lao động;
- Công văn số 2963/SGDĐT-TCCB ngày 17/11/2023 về rà soát, cập nhật, bổ sung hồ sơ công chức, viên chức và người lao động trên hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử.

- Kế hoạch số 88/KH-CVA, ngày 10/3/2023 của Trường THPT chuyên Chu Văn An về triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số năm 2023 và tự đánh giá mức

độ chuyển đổi số của nhà trường năm 2023.

*b. Tồn tại, hạn chế:* Một số kế hoạch của còn chung chung, chưa đi vào trọng tâm, trọng điểm gắn với nhiệm vụ chuyên môn, thực trạng cơ sở vật chất và nhân lực của đơn vị.

## **2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2023**

*a. Kết quả đạt được:* Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của trường đã họp và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số của đơn vị, xác định những việc cần làm ngay trong năm 2023 để nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý.

*b. Tồn tại, hạn chế:* Hoạt động của Ban Chỉ đạo chưa đều, kết quả công tác chuyển đổi số của trường còn có tồn tại, hạn chế.

## **3. Hạ tầng số**

*a. Kết quả đạt được:* Nhà trường đầu tư sửa chữa, nâng cấp hệ thống máy tính, nối mạng internet, nâng cấp hệ thống wifi phục vụ việc dạy và học.

*b. Tồn tại, hạn chế:* Hạ tầng công nghệ thông tin tại đơn vị chưa đồng bộ.

## **4. Dữ liệu số**

*a. Kết quả đạt được:* Đã triển khai cập nhật dữ liệu hồ sơ trên hệ thống hồ sơ điện tử viên chức và người lao động do Sở Nội vụ triển khai (đạt tỷ lệ 100%).

*b. Tồn tại, hạn chế:* Một số viên chức và người lao động khi cập nhật hồ sơ còn gặp nhiều khó khăn, tiến độ chậm, thiếu thông tin.

## **5. Nền tảng số**

*a) Kết quả đạt được:* Hiện nay, đang triển khai ứng dụng các phần mềm dạy học trực tuyến miễn phí như: Zoom, Microsoft Teams, Google Meet, ... ; hệ thống điều hành giáo dục thông minh IOC-vnEdu; sử dụng cơ sở quản lý dữ liệu giáo dục vnEdu của VNPT và Cơ sở dữ liệu ngành do Bộ GDĐT cung cấp, ...

*b. Tồn tại, hạn chế:* Chưa xây dựng nền tảng dạy học trực tuyến đồng bộ; nhiều cơ sở dữ liệu quản lý giáo dục khác nhau dẫn đến khó khăn trong việc đồng bộ dữ liệu; kho dữ liệu số, bài giảng điện tử chưa phong phú.

## **6. Nhân lực số**

*a. Kết quả đạt được:* Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên Tin học có trình độ công nghệ thông tin vững vàng; hầu hết viên chức, người lao động đều có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng tốt CNTT.

*b. Tồn tại, hạn chế:* Một số ít viên chức, người lao động trình độ ứng dụng CNTT còn hạn chế.

## **7. An toàn thông tin mạng**

*a. Kết quả đạt được:* Đã triển khai kịp thời các giải pháp nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; có biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh

thông tin. Kết quả đến thời điểm hiện tại chưa xảy ra lỗi liên quan đến việc mất an toàn thông tin, lộ lọt thông tin trong việc quản lý điều hành tại đơn vị.

*b. Tồn tại, hạn chế:* Việc rà soát, kiểm tra có lúc chưa thường xuyên.

## **8. Chính quyền số**

*a. Kết quả đạt được:* Đã triển khai phần mềm văn phòng điện tử trong quản lý chuyển giao và lưu trữ văn bản, gắn chuyển đổi số với công tác cải cách hành chính; công khai và hướng dẫn thực hiện các thủ tục hành chính.

*b) Tồn tại, hạn chế:* Việc sử dụng văn bản giấy vẫn còn; chưa thuê phần mềm văn phòng điện tử để phục vụ công tác quản lý tại đơn vị.

## **9. Kinh tế số, xã hội số**

*a. Kết quả đạt được:* Đã thực hiện nghiêm túc chủ trương không sử dụng tiền mặt và thực hiện 100% không dùng tiền mặt trong nộp học phí và các khoản thu theo quy định.

*b. Tồn tại, hạn chế:* Khó khăn cho một số ít PHHS.

## **10. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí bố trí để thực hiện theo quy định Nhà nước.

## **PHẦN II**

### **NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2024**

#### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GDĐT Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

- Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 5362/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Định, phiên bản 1.0.

- Quyết định số 5360/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định (phiên bản 2.0).

- Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh về Chuyển

đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Bình Định;

- Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 17/7/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch Chuyên đổi số của ngành Giáo dục tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Bình Định;

- Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khoá XX) về chuyên đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh về Kế hoạch Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Công văn số 1577/TTTT-BCVT&CNTT ngày 12/12/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Chuyên đổi số năm 2024.

## II. MỤC TIÊU

**1. Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hằng ngày đối với mỗi giáo viên, mỗi người học**

Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 100% học sinh và mỗi giáo viên có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

Về môi trường giáo dục trực tuyến: Thường xuyên khai thác kho học liệu số quốc gia phục vụ giảng dạy và học tập; có Kế hoạch xây dựng kho học liệu trực tuyến.

Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến: Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 10%.

**2. Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước**

*Về quản trị nhà trường:* Áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó có 100% thí sinh dự thi tốt nghiệp THPT năm 2024 được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc; sử dụng văn phòng điện tử để gửi/nhận văn bản và dùng kí số; sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt trong thu học phí; ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình.

*Về quản lý giáo dục:* Triển khai sử dụng Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành Giáo dục đã được Bộ GDĐT thiết lập và cập nhật, khai thác hiệu quả, trong đó:

- Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được

kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh (theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 18/4/2022);

- Quản lý giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số;
- Quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục.

*Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân:* Thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình và toàn trình một phần trên tổng số hồ sơ đạt 100%; Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của đơn vị đạt trung bình từ 90%;

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

#### **1. Nhận thức số**

Tổ chức học tập, quán triệt, phổ biến rộng rãi và triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương và tỉnh liên quan đến cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, hướng đến xây dựng thành phố thông minh, như: Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII), Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nội dung liên quan đến chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số; các chương trình, nhiệm vụ trong Đề án “Xây dựng thành phố thông minh”.

Thủ trưởng đơn vị trực tiếp tham mưu thực hiện chuyển đổi số theo lĩnh vực quản lý, gắn với chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong ngành; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của viên chức, học sinh về các chủ trương, chính sách liên quan đến chuyển đổi số.

Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả chuyển đổi số tại đơn vị; lấy việc triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác.

Khuyến khích việc tăng cường tương tác giữa viên chức, người lao động của đơn vị với người dân, các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực GDĐT sử dụng công nghệ số (thiết bị di động, các mạng xã hội, các kênh thông tin phi truyền thống khác).

#### **2. Thẻ chế số**

Từng bước đổi mới mô hình, quy trình hoạt động kết hợp với áp dụng công nghệ số, dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành; triển khai các ứng dụng, tiện ích thiết thực phục vụ mọi hoạt động của người học, người dân để phổ cập rộng rãi trong xã hội; cung cấp dịch vụ hành chính công, sử dụng dữ liệu số thay thế một số thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải nộp bản giấy.

#### **3. Hạ tầng số**

Duy trì hệ thống học bạ điện tử, số theo dõi và đánh giá điện tử của học sinh theo quy chuẩn của Bộ GDĐT để đảm bảo mỗi học sinh có mã (ID) duy nhất và có hồ sơ, học bạ điện tử.

Triển khai thực hiện nền tảng tuyển sinh đầu cấp trực tuyến dùng chung toàn tỉnh (xây dựng Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến đầu cấp).

Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy, học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối internet cáp quang tới đơn vị; có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ giáo viên.

#### **4. Dữ liệu số**

Số hóa, xây dựng CSDL tài liệu, giáo trình điện tử phục vụ giảng dạy và học tập; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.

Phổ cập sử dụng nền tảng dạy học trực tuyến. Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (giáo dục STEM/STEAM/STEAME); thực hiện đào tạo, tập huấn hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số.

Triển khai thanh toán học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí không dùng tiền mặt.

#### **5. Nền tảng số**

Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, dạy môn Tin học, dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang internet tới đơn vị.

Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị CNTT đáp ứng yêu cầu cho hoạt động chuyên môn, ổn định, chính xác, an toàn, bảo mật các hệ thống thông tin và các ứng dụng phục vụ cho công cuộc chuyển đổi số của ngành Giáo dục. Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin.

Duy trì và mở rộng việc triển khai hệ thống chữ ký số cá nhân, chữ ký điện tử; từng bước tích hợp chữ ký số vào các ứng dụng CNTT trong ngành Giáo dục.

#### **6. Nhân lực số**

Kiện toàn Ban chỉ đạo Chuyển đổi số đơn vị.

Tăng cường gắn kết, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có chuyên môn về CNTT, an toàn thông tin. Có giải pháp về bảo đảm số lượng và nâng cao về chất lượng cho viên chức chuyên trách về CNTT, an toàn thông tin đáp ứng việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin tại đơn vị..

Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và an toàn thông tin cho viên chức và người lao động của ngành thông qua các chương trình bồi dưỡng.

#### **7. An toàn thông tin mạng**

Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ về an toàn thông tin đối với các hệ

thống thông tin đang vận hành; gắn công tác đảm bảo An toàn thông tin mạng với công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

## **8. Chính quyền số**

Tiếp tục triển khai xây dựng CSDL Giáo dục có API đồng bộ và chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung tỉnh, Bộ GDĐT và các ứng dụng khác; đảm bảo đến 2025 hoàn thành Hệ thống CSDL và các phần mềm chuyên ngành được chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, Bộ GDĐT.

Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số. Số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của Sở GDĐT và các đơn vị trực thuộc Sở theo quy định.

## **9. Kinh tế số, xã hội số**

Đôn đốc triển khai việc thanh toán không sử dụng tiền mặt tại cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc.

Xây dựng kênh theo dõi phản hồi, đánh giá của người dân, đơn vị, trường học, các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trong quá trình trải nghiệm chuyển đổi số của Sở GDĐT nhằm lên kế hoạch thực hiện tối ưu hóa.

Tiếp tục rà soát, kiến nghị Bộ GDĐT điều chỉnh các quy định các thủ tục để hoàn thiện quy định chuyên ngành giáo dục đào tạo, cụ thể như: Quy định chương trình học trực tuyến, thời lượng học, kiểm tra đánh giá trực tuyến, kiểm định chất lượng học trực tuyến; quy định điều kiện tổ chức lớp học, trường học trên môi trường mạng (kể cả ngắn hạn và dài hạn); quy định về việc quản lý, sử dụng học bạ điện tử, số theo dõi và đánh giá học sinh...

## **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Nguồn kinh phí thực hiện bao gồm: Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Lãnh đạo nhà trường**

Thực hiện tốt việc tuyên truyền, thay đổi nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh về nhiệm vụ chuyển đổi số trong Giáo dục và Đào tạo, thích ứng với sự phát triển của xã hội số.

Hiệu trưởng kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp trường và triển khai kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục. Xây dựng và triển khai Kế hoạch chuyển đổi số đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh; bám sát nhiệm vụ, giải pháp, mục tiêu chuyển đổi số của ngành, trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị; đánh giá, sơ kết, tổng kết.

### **2. Tổ Văn phòng**

Tham mưu cho Hiệu trưởng về điều kiện áp dụng hình thức trực tuyến để triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thủ tục hành chính; tiếp tục triển khai

các phần mềm quản lý tài chính, tài sản trong toàn ngành; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong toàn ngành; tiếp tục áp dụng các phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc điện tử toàn ngành. Báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất cho Sở.

### 3. Bộ phận phụ trách CSDL, phụ trách chuyên môn, cơ sở vật chất

Hoàn thiện thu thập thông tin, chuẩn hóa CSDL dùng chung ngành giáo dục; kết nối hệ thống CSDL dùng chung với các phần mềm nghiệp vụ trong toàn ngành.

Tham mưu với Hiệu trưởng về việc hoàn thiện hạ tầng CNTT tại nhà trường đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số (đường truyền Internet băng thông, phòng máy tính thực hành, máy chiếu, Tivi, màn hình Led, âm thanh,... phục vụ dạy học trên các phòng học, phòng sinh hoạt chuyên môn chung tại nhà trường; thiết bị phục vụ cho hoạt động họp, hội thảo, hội nghị, hoạt động chuyên môn trực tuyến.

Triển khai áp dụng các phần mềm phục vụ công tác quản lý chuyên môn và điện tử hóa hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường; triển khai thí điểm hệ thống quản lý tuyển sinh 10 trực tuyến; triển khai dạy học trực tuyến trong nhà trường; triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số; phổ cập ứng dụng kỹ năng số trong đội ngũ giáo viên, học sinh.

Xây dựng, triển khai hệ thống khảo sát, kiểm tra, đánh giá chất lượng Giáo dục phù hợp với yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ GD&ĐT.

## VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu	Chủ trì/ phối hợp	Thời gian
1	Kiện toàn Ban Chỉ đạo	Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành	Hiệu trưởng	Quý I
2	Quản lý mã định danh, nắm thông tin người dùng trên môi trường số	Quản lý người dùng trên môi trường số ngành GD	Thầy Huy Bình, Văn thư	Quý I
3	Ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình	Phục vụ quản lý, liên lạc giữa nhà trường với gia đình	Ban quản trị SĐĐT	Thường xuyên
4	Kế hoạch xây dựng kho dữ liệu số, bài giảng điện tử	Kho dữ liệu dùng chung	Thầy Phước Bình, Thầy Huy Bình, Tổ trưởng chuyên môn.	Thường xuyên
5	Thanh toán không dùng tiền mặt trong thu học phí, khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ	Thanh toán không dùng tiền mặt	Hiệu trưởng, Kế toán, Thủ quỹ	Thường xuyên
6	Sử dụng văn phòng điện	Gửi/nhận văn bản	Lãnh đạo,	Thường



TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu	Chủ trì/ phối hợp	Thời gian
	tử đề gửi/nhận văn bản và dùng kí số	trên môi trường số	Văn thư	xuyên
7	Triển khai thực hiện phần mềm tuyển sinh đầu cấp; thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học.	Tuyển sinh đầu cấp trực tuyến	Lãnh đạo, Ban tuyển sinh	Quý II, III

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 của nhà trường. Đề nghị các tổ chức, cá nhân trong nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc./.

**Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT (báo cáo);
- Chi ủy (báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Công đoàn, Đoàn thanh niên (phối hợp);
- Tổ văn phòng, tổ chuyên môn (thực hiện);
- Lưu: VT.



**Dương Trọng Anh**

